

Bản án số:09/2020/HS-ST  
Ngày 06 tháng 3 năm 2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Khương Trung Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Phương Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

**Đặng Quang T**, sinh ngày 03/6/1990

Nơi cư trú: Tổ 13, phường Th, thành phố H, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; vợ: Quách Thu Tr, sinh năm 1991 (đã ly hôn), con: 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/9/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa

**- Bị hại:** Chị Lê Thị X, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Th, thị trấn H, huyện L, tỉnh V.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Kiều Văn Ch, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Ph, thị trấn L, huyện L, tỉnh V.

2. Chị Nguyễn Thùy Tr, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh V.

3. Anh Phùng Đức M, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 1, phường H, thành phố H, tỉnh H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ tình cảm với chị Lê Thị X, sinh năm 1982 ở thị trấn H, huyện L, tỉnh V nên Đặng Quang T thường xuyên cầm điện thoại của chị X để sử dụng và biết mật khẩu điện thoại, mật khẩu IPAY số tài khoản 102869382472 của Ngân hàng Vietinbank (là ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại) của chị X. Ngày 14/4/2019, T đến nhà chị X chơi và ở lại. Khoảng 18 giờ ngày 15/4/2019, T cầm điện thoại của chị X rồi nhập mật khẩu IPAY kiểm tra thấy trong tài khoản của chị X có tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, T đã chuyển số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) trong tài khoản của chị X sang tài khoản số 105868966801 tại Ngân hàng Vietinbank của T, sau đó xóa tin nhắn đến báo giao dịch chuyển tiền trên điện thoại và trả điện thoại cho chị X. Đến khoảng 14 giờ ngày 16/4/2019, với thủ đoạn trên T tiếp tục chuyển 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) trong tài khoản của chị X sang tài khoản của T. Số tiền 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) chiếm đoạt của chị X, T dùng để mua game trên mạng và tiêu xài cá nhân hết.

T biết chị X mới mua xe máy và có giấy hẹn lấy đăng ký xe, giấy căn cước công dân để trong túi ở giường ngủ, nên khoảng 09h ngày 17/04/2019 T lấy các giấy tờ này cất sẵn trong người rồi hỏi mượn xe máy Honda Lead BKS 88D1-934.16 của chị X lừa nói đi việc riêng để cầm cố lấy tiền tiêu xài, chị X đồng ý cho T mượn. T điều khiển xe máy trên đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của ông Kiều Văn Ch, sinh năm 1959 ở Tổ dân phố T, thị trấn L, huyện L cầm cố được 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Ngay sau đó, T đến Ngân hàng Vietinbank chi nhánh L chuyển 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) vào tài khoản của T, rồi đi đến quán game (không nhớ địa chỉ ở thị trấn L) chơi game. Tại đây, trong số tiền 14.500.000đ T chuyển qua mạng máy tính từ tài khoản của T đến tài khoản của chị Bùi Thị Thanh Ng (là nhân viên lắp đặt Wifi cho chị X) số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền còn lại T mua game và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, chị X phát hiện bị mất tiền trong tài khoản và bị T cầm cố xe, chị X đòi và được T trả lại 6.000.000 đồng.

Tại Kết luận số 288/KL-HĐĐG ngày 31/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lập Thạch kết luận: *xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS 88D1-394.16 được định giá 42.500.000đ (Bốn hai triệu năm trăm nghìn đồng).*

Đến ngày 28/5/2019, Tuấn tiếp tục đến nhà chị X ở, ngày 30/5/2019 T và X đi xe máy nhãn hiệu Wave anpha màu trắng BKS 88D1-320.12 (X mượn của chị

Nguyễn Thùy Tr, sinh năm 1976 ở xã X - huyện L) đến nhà chị Tr nhờ trông con giúp để X đi cùng T về Hòa Bình lấy tiền trả cho X nhưng chị Trg bạn không trông nên X không đi cùng được. T hỏi mượn xe máy trên để một mình về Hòa Bình làm giấy tờ và lo tiền trả chị X, thì chị X đồng ý và đưa đăng ký xe cho T. Khi về đến Hòa Bình, do không vay được tiền nên T nảy sinh ý định cầm cổ xe lấy tiền tiêu xài. Đến sáng ngày 31/5/2019, T đem xe máy và giấy tờ xe mượn của X đến cửa hàng cho thuê xe của anh Phùng Đức M, sinh năm 1995 ở tổ 1, phường H, Thành phố H, tỉnh H cầm cố được 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Sau đó, T bỏ trốn và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Đến ngày 29/6/2019, chị X đã trình báo sự việc đến Cơ quan điều tra Công an huyện L.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Quang T đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thừa nhận đã lấy trộm số tiền 12.500.000 đồng trong tài khoản của chị X. Bị cáo đã lừa mượn xe máy của chị X đi cầm cố được số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo mượn xe máy của chị X sau đó chiếm đoạt đi cầm cố được 7.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Tại phiên tòa chị Lê Thị X xác định bị cáo T trình bày là đúng, chị đề nghị bị cáo phải trả lại chị số tiền đã chiếm đoạt là 19.500.000 đồng và đề nghị giải quyết theo đúng quy định của pháp luật đối với bị cáo T.

Tại Cáo trạng số: 08/CT-VKS-KT ngày 06 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố Đặng Quang T về các tội “*Trộm cắp tài sản*”, “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174 và điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đặng Quang T. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Quang T từ 07 đến 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, từ 18 tháng đến 24 tháng về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 07 tháng đến 09 tháng về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Do bị cáo ham chơi, bị cáo rất ăn năn, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Đặng Quang T đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận: Để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện nhiều hành vi phạm tội trên địa bàn huyện L, cụ thể: Khoảng 18 giờ ngày 15/4/2019 T trộm cắp số tiền 12.000.000 đồng và khoảng 14 giờ ngày 16/4/2019 T tiếp tục trộm cắp số tiền 500.000 đồng của chị Lê Thị X, sinh năm 1982 ở thị trấn H, huyện L, tỉnh V, tổng số tiền T trộm cắp của chị X là 12.500.000 đồng. Tiếp đó, khoảng 9 giờ ngày 17/4/2019 T tiếp tục có hành vi lừa chị X để cầm cố chiếc xe mô tô BKS 88D1-394.16 trị giá 42.500.000 đồng và đến ngày 30/5/2019 T tiếp tục có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô BKS 88D1-320.12 trị giá 13.500.000 đồng của chị X mượn của chị Nguyễn Thùy Tr, sinh năm 1976 ở xã X, huyện L. Toàn bộ số tiền trộm cắp và cầm cố xe trên T đã tiêu xài cá nhân hết.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tang vật chứng đã thu hồi được và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Do vậy, xét thấy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đặng Quang T phạm các tội “*Trộm cắp tài sản*”, “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174 và điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự quy định: “*1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới*

*50.000.000đ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

Khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000đ đến dưới 50.000.000đ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

*b) ...mượn... tài sản của người khác... và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”.*

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đặng Quang T, thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian cần thiết để giáo dục thành người có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo T thấy rằng: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với ông Kiều Văn Ch và anh Phùng Đức M là người đã cho Đặng Quang T cầm cố xe mô tô nhưng ông Ch và anh M không biết xe mô tô đó do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với số tiền do phạm tội mà có, Đặng Quang T dùng để tiêu xài cá nhân và mua game của tài khoản mang tên DO DINH KHANH, quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể của chủ tài khoản trên, T mua game để chơi giải trí, không thắng thua bằng tiền hay hiện vật nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS 88D1-394.16 và giấy tờ liên quan, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Lê Thị X, chị X đã chuộc lại và quản lý sử dụng là hợp pháp.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 88D1-320.12 và 01 đăng ký xe mô tô số 017235, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Lê Thị X để trả lại chị Tr là đúng chủ sở hữu, đến nay chị Tr đã nhận được chiếc xe máy trên và không có yêu cầu đề nghị gì.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 tạm giữ của Đặng Quang T, quá trình điều tra xác định T không sử dụng để giao dịch chuyển tiền liên quan đến tội phạm nhưng T tự nguyện không nhận lại nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 15.000.000 đồng, chị X dùng để chuộc lại chiếc xe máy Honda Lead BKS 88D1-394.16 và số tiền 12.500.000đ do Tuấn trộm cắp mà có nhưng đã tiêu xài hết, đến nay T đã trả cho chị X 6.000.000 đồng và trả 2.000.000 đồng lắp Wifi, chị X yêu cầu T phải hoàn trả số tiền còn lại 19.500.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Số tiền 7.000.000 đồng do Tuấn cầm cố xe máy Honda Wave BKS 88D1-320.12, quá trình điều tra anh Phùng Đức M yêu cầu T phải hoàn trả là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Đặng Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Quang T phạm các tội “*Trộm cắp tài sản*”, “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174 và điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 357, khoản 2 Điều 468; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Quang T 09 (Chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 09(Chín) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt cả 03 tội bị cáo T phải chấp hành là 03 (Ba) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/9/2019.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Đặng Quang T phải trả lại chị Lê Thị X số tiền 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng), trả lại anh Phùng Đức M số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Kể từ khi chị X, anh M có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên, thì bị cáo T còn phải trả lãi

đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Tịch thu bán sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 của bị cáo T.

Bị cáo Đặng Quang T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.325.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký và đóng dấu**

**Ngô Thị Minh Hiệp**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh V.
- VKSND huyện L
- TAND tỉnh V
- Công an huyện L
- THADS huyện L
- Bị cáo
- Các đương sự
- Lưu HS, lưu VP